TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41 /2019/HSST
Ngày: 20/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Minh Tấn

2/ Ông Nguyễn Văn Bình

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Nguyễn Mộng Cầm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* ông Dương Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2019/HSST ngày 01 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N, sinh năm 1976 tại huyện T3, tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: ấp K, xã N1, huyện T3, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn C (chết) và bà Lý Thị C1 (chết); Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: không; Tiền án 03 lần:

+ Ngày 12/3/1996 bị Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xử phạt 36 tháng tù về tội "Cướp tài sản của Công dân" chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/12/1998.

+ Ngày 03/3/2000 bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt tù chung thân về tội "Hiếp dâm", khi chấp hành án giảm xuống thành tù có thời hạn, chấp hành xong hình phạt ngày 03/10/2016;

+ Ngày 21/6/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" chấp hành xong hình phạt ngày 01/5/2018.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Đoàn Thị Thu T, sinh năm 1997. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp S, xã N1, huyện T3, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Phạm Kim H, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ ấp N2, xã N1, huyện T3, tỉnh Vĩnh Long.

- Người làm chứng:

Mai Hồng T1, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N3, xã H1, huyện T3, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 15/9/2019, sau khi đi nhậu về, bị cáo Nguyễn Văn N đi bộ từ hướng chợ xã N1 về ngang nhà anh Nguyễn Văn T2 ngụ ấp S, xã N1, bị cáo N thấy cửa không khóa nên đi đến đứng ngoài cửa nhìn vào bên trong nhà, thấy không có người và nhìn thấy trên bàn máy vi tính có cái ba lô, bị cáo nẩy sinh ý định lấy trộm tài sản. Bị cáo đẩy cửa vào nhà, lén lút đến bàn máy vi tính mở ba lô lấy cái ví trong ba lô của chị Đoàn Thị Thu T (em vợ anh T2). Sau đó, bị cáo đi ra lộ nhựa cặp đến hông nhà anh T2 mở ví ra thấy có tiền và các giấy tờ cá nhân của chị T. Bị cáo lấy tiền điếm được số tiền 2.112.000đ giấu tiền vào túi quần, bỏ lại cái ví và các giấy tờ cá nhân của chị T tại bụi cỏ cặp hông trước nhà anh T2. Bị cáo đi bộ về nhà, trên đường về có ghé mua 01 lít rượu, ghé nhà cậu ruột là Lý Văn U rủ ông U nhậu, sau đó bị cáo về nhà ngủ đến sáng. Khoảng 6 giờ 30 phút ngày 16/9/2019 chị Đoàn Thị Thu T phát hiện tài sản bị mất nên trình báo Công an xã N1. Qua trích xuất dữ liệu camera an ninh thấy được hành vi lén lút của bị cáo N đã đột nhập vào nhà anh T2 và tẩu thoát nên Công an xã N1 chuyển hồ sơ vụ việc kèm 01 đĩa DVD hiệu Ahuang có chứa dữ liệu trích xuất từ camera an ninh cho Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Trà Ôn thụ lý theo thẩm quyền.

Ngày 20/9/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Trà Ôn ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn N về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1, Điều 173 của Bộ luật hình sự và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 áo sơ mi tay dài màu trắng có dính nhiều bùn đất; 01 quần tây vải dài màu xanh đậm, phía sau và hai ống có dính nhiều vết bùn đất; 01 cái mũ bảo hiểm màu xanh, hai bên có logo ADC, ở giữa có sọc trắng, vành mũ bị mất thu giữ của bị cáo. Cái ví nữ sọc ca rô màu xanh xám và số tiền 2.112.000đ; 01 đĩa DVD hiệu Ahuang có chứa dữ liệu trích xuất từ camera an ninh.

Tại bản cáo trạng số 43/CT-VKSTÔ ngày 29/10/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm g, khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà:

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công bố tại phiên tòa đề nghị: Giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b,h,s khoản 1,2 Điều 51 Điều 38 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng năm tù.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: không đề nghị xem xét.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị buộc bị cáo nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quán lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn N khai nhận: Ngày 15/9/2019 bị cáo có hành vi lén lút vào nhà của anh Nguyễn Văn T2 lấy trộm số tiền 2.112.000đ của chị Đoàn Thị Thu T. Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn truy tố đúng hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo ăn năn về hành vi đã làm và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại chị Đoàn Thị Thu T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra, chị T đã nhận lại tài sản mất trộm và không có yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Kim H vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình điều tra chị H đã cho bị cáo số tiền 2.112.000đ để khắc phục hậu quả, không yêu cầu gì đối với bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết lỗi, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo để bị cáo làm lại cuộc đời.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt của người bị hại: Chị Đoàn Thị Thu T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của chị T không ảnh đến việc xét xử vụ án nên tiến hành xét xử vắng mặt chị T là phù hợp theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[1.2] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Trà Ôn, Điều tra viên,Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hội đồng xét xử nhận thấy: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, người làm chứng, camera ghi hình cùng các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, qua đó xác định: Khoảng 20 giờ ngày 15/9/2019 bị cáo Nguyễn Văn N có hành vi lén lút vào nhà của anh Nguyễn Văn T2 lấy trộm số tiền 2.112.000đ của chị Đoàn Thị Thu T. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn đã truy tố đối với bị cáo.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo có nhân thân xấu; năm 1996 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn bị xử phạt 36 tháng tù về tội Cướp tài sản công dân, chấp hành xong hình phạt ngày 19/12/1998; Ngày 03/3/2000 bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt chung thân về tội Hiếp dâm, khi chấp hành án giảm xuống thành tù có thời hạn, chấp hành xong hình phạt ngày 03/10/2016; Ngày 21/6/2016 bị xử phạt 09 tháng tù, chấp hành xong hình phạt ngày 01/5/2018, chưa được xóa án tích. Bản thân bị cáo có thời gian dài chấp hành hình phạt tù, được giáo dục và được sự khoan hồng của Đảng và Nhà nước. Lẽ ra, bị cáo lấy đó làm bài học kinh nghiệm, sửa chữa bản thân nhưng bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội cho thấy bị cáo xem thường sự trừng phạt của pháp luật. Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, xem thường tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu về an ninh, trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang lo sợ cho người dân tại khu vực như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử lý nghiêm khắc nhằm răn đe giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn và tự nguyện vận động gia đình nộp tiền khắc phục hậu quả; Bị cáo không biết chữ nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo không sống chung với cha mẹ từ nhỏ nên thiếu sự quan tâm giáo dục của gia đình, có thời gian dài bị xử phạt tù, khi trở về địa phương không có chổ ở ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần cân nhắc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự khi lượng hình đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa, nhằm tạo điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở người hữu dụng sau này.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Đoàn Thị Thu T đã nhận lại số tiền 2.112.000đ và tài sản bị mất trộm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án Phạm Kim H cho bị cáo số tiền 2.112.000đ khắc phục hậu quả. Chị T, chị H không có yêu cầu gì trong vụ án nên Hội đồng xét xử không đề cặp xem xét.

[6] Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra có thu giữ tài sản của bị cáo và của người bị hại, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn đã trả lại cho bị cáo và bị hại là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng 01 đĩa DVD hiệu Ahuang có chứa dữ liệu trích xuất từ camera an ninh đã lưu vào hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn N có nghĩa vụ nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2, Điều 136 của Bộ

luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quán lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

2. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b,h,s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 02 (Hai) năm tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt chấp hành án phạt tù.

3. Án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng: Khoản 2, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quán lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ công an tỉnh Vĩnh Long
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn;
- Công an huyện Trà Ôn;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn;
- Ủy ban nhân dân xã N1;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga